

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HUNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2025/HS-ST

Ngày: 25-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông: Nguyễn Hải Dương.

2/ Ông: Lương Ngọc Vượng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:

Bà: Trương Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025. Tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2025/TLST- HS ngày 03/4/2025. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2025/QĐXXST-HS ngày 11/4/2025, đối với các bị cáo:

1/Họ và tên: **Nhữ Cao T6**, sinh năm 1992, tại: huyện Ân, tỉnh Hưng Yên; Giới tính: Nam.

HKTT: thôn A, xã B, huyện Ân, tỉnh Hưng Yên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Nhữ Văn T; Con bà: Nguyễn Thị Thanh N; Vợ: Trần Thị L; Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Khắc A - Văn phòng L3, Đoàn luật sư tỉnh H.

2/Họ và tên: **Nguyễn Trọng Q**, sinh năm 1992, tại: huyện Ân, tỉnh Hưng Yên; Giới tính: Nam.

HKTT: thôn P, xã B, huyện Ân, tỉnh Hưng Yên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Nguyễn Trọng L1; Con bà: Tạ Thị N1 ;Vợ: Nguyễn Thị Tố L2 (đã ly hôn); Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: chưa.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H, có mặt

3/Họ và tên: **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1997, tại: huyện A, tỉnh Hưng Yên; Giới tính: Nam.

HKTT: thôn D, xã V, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Nguyễn Văn C; Con bà: Phạm Thị H; Vợ: Đào Thị N2; Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: chưa.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H (có mặt).

4/Họ và tên: **Ly Thị T2**, sinh năm 1998, tại: huyện X, tỉnh Hà Giang; Giới tính: Nữ.

HKTT: thôn Ta Thượng, xã Trung Thịnh, huyện Xí Mần, tỉnh Hà Giang.

Nơi ở: thôn Phần Hà, xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Ly Văn T3; Con bà: Sèn Thị N3; Chồng/ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H (có mặt)

****Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Ông: Nguyễn Văn P, sinh năm 1975 (bố đẻ chị D).

HKTT: thôn A, xã B, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

có mặt

**** Những người làm chứng:***

Chị: Lò Thị T4, sinh năm 2004. vắng mặt

HKTT: bản Nậm Mu, xã R, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhữ Cao T6, Nguyễn Trọng Q và Nguyễn Văn T1 cùng chung thuê nhà của anh Nguyễn Văn V để mở quán K2 KTV tại thôn N, xã T (nay là xã Q) huyện A, tỉnh Hưng Yên. Khoảng 22 giờ ngày 02/8/2024, T1 mời bạn là Nguyễn Minh P1 và bạn gái của P1 là Mỹ (P1 mới quen, không biết địa chỉ) uống bia và hát tại quán K2. Tại quán Karaoke, T6 bảo Q “có đồ gì mang ra tiếp khách”, nghĩa là lấy ma túy ra để sử dụng. T1 đưa P1, M vào phòng VIP 3, T6 vào phòng VIP 3 bật đèn, nhạc cùng P1, M và T1 hát Karaoke. Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, BKS: 89C2-028.13 về nơi ở của Q tại thôn P, xã B, huyện A lấy 01 gói ma túy tổng hợp (nước vui). Khi quay lại quán, Q gặp T1

tại hành lang của phòng hát đưa cho T1 gói ma túy (*nước vui*) bảo “*cầm vào phòng chơi*”. Q xuống bếp của quán chuẩn bị 01 bát nước nóng, 01 chén thủy tinh đưa cho T1 mang vào phòng hát VIP 3. T1 đã pha ma túy (*nước vui*) vào bát nước nóng và nước ngọt S đổ vị dâu để tạo hương vị sau đó tự mức 01 chén uống, T6 tự mức 01 chén ma túy (*nước vui*) uống. Khi Q vào phòng hát VIP 3, T1 hỏi “*có cái gì không anh?*” ý hỏi Q có ma túy loại Ketamine không cho T1 dùng. Q lấy dưới khe bàn phòng hát 01 gói ma túy, loại Ketamine do Q cất giấu từ trước đưa cho T1. T1 lấy 01 đĩa sứ tròn trên bàn, bật lửa, thẻ cứng có sẵn trong giỏ đựng đồ trên bàn rồi đổ một phần ma túy (Ketamine) lên đĩa, đốt lửa dưới đĩa, dùng thẻ cứng đảo tan chất ma túy rồi chia ma túy (Ketamine) thành những đường kẻ chỉ nhỏ (*xào ke*). Khi T1 xào ke thì Q bật đèn Flash điện thoại di động Iphone màu xanh của T1 soi cho T1. T1 lấy ống hút tự chế bằng tờ tiền Polyme mệnh giá 10.000 đồng có sẵn tại giỏ đựng đồ trên bàn hít qua mũi 02 đường chỉ ke. Sau đó Ly Thị T2 (*là bạn gái của Q*) vào phòng hát, T6 mức 01 chén ma túy (*nước vui*) đưa cho T2, T2 uống hết 1/2 số nước trong chén, tiếp đó là Lò Thị T4, sinh năm 2004, trú tại: bản N, xã R, huyện T, tỉnh Điện Biên cùng Lê Thị T5, sinh năm 1998, trú tại: phố M, phường Q, TP ., tỉnh Thanh Hóa (*là nhân viên rót bia*) đến. Lò Thị T4 vào ngồi cạnh T6; Lê Thị T5 đến ngồi cạnh T1 nhưng T1 không đồng ý nên Lê Thị T5 đi về. Q mời Lò Thị T4 uống ma túy (*nước vui*) nhưng T4 không uống, Q đi ra khe bàn lấy 01 viên ma túy tổng hợp dạng kẹo đưa cho T2 bảo T2 đưa cho T4 sử dụng. T2 cầm viên ma túy tổng hợp đưa cho T4 uống, T4 uống 1/2 viên còn 1/2 viên còn lại trả T2, T2 vứt xuống nền phòng hát. Q tiếp tục đổ hết số ma túy (Ketamine) còn lại ra đĩa sứ và xào ke, T2 bật đèn Flash điện thoại Iphone 6 của T2 soi cho Q. Xào ke xong, Q tự lấy ống hút tự chế dùng trước đó hít ma túy (Ketamine) qua đường mũi. Khoảng 01 giờ ngày 03/8/2024, P1 và M đi về, lúc này Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 2001, trú tại: thôn A, xã B, huyện A, tỉnh Hưng Yên gọi điện cho T6, T6 sai nhân viên của quán là Nguyễn Văn H1 đi đón D. Khi về đến quán, D vào phòng VIP 3 tự mức 02 chén ma túy (*nước vui*) uống, Lò Thị T4 thấy D ngồi với T6 thì đi về. Khoảng 03 giờ ngày 03/8/2024, D bất tỉnh, T6 cùng T2 và V1 (*nhân viên tại quán không rõ lai lịch, địa chỉ*) thuê xe ô tô chở D đi cấp cứu tại bệnh viện đa khoa tỉnh H nhưng D đã tử vong. H1 dọn phòng VIP 3 mang bát, đĩa ra khu vực vòi nước, T6 đã trình báo sự việc với Công an xã T và tự nguyện giao nộp 01 bát tô bằng sứ màu trắng, đường kính miệng bát 17 cm, bên trong bát có chất lỏng, không màu khoảng 32,0ml (*được đựng trong chai nhựa ghi chữ Number 1*); 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn, đường kính 31cm có bảm dính tạp chất trên bề mặt đĩa (niêm phong ký hiệu A).

Cơ quan CSĐT - Công an huyện A quản lý tài sản, đồ vật của các đối tượng trong phòng hát VIP 3 gồm: Nhữ Cao T6: 01 điện thoại di động Iphone 12

màu trắng; Nguyễn Trọng Q: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu xám, BKS: 89C2-028.13; Nguyễn Văn T1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Pro max màu xanh; Ly Thị T2: 01 điện thoại di động Iphone 6S màu hồng; Nguyễn Thị Thùy D (do ông Nguyễn Văn P là bố đẻ giao nộp) 01 điện thoại di động Iphone màu vàng.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Trọng Q tại: thôn P, xã B, huyện A, tỉnh Hưng Yên không thu giữ tài liệu, đồ vật gì.

Kết quả test ma túy ngày 03/8/2024: T6, Q, T1, T4 đều dương tính với ma túy, loại MET (Methamphetamine), KET (Ketamine), MDMA (kẹo).

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Hiện trường vụ án là quán K2 thuộc thôn N, xã B, huyện A, tỉnh Hưng Yên: Nhà 01 tầng, có 04 phòng hát, phòng VIP 3 đã bị xáo trộn một phần. *Vật chứng thu giữ:* 02 file video sao lưu từ hệ thống Camera giám sát (niêm phong ký hiệu U).

Kết quả khám nghiệm tử thi Nguyễn Thị Thùy D: Khoang ngực hai bên khô, phổi hai bên sung huyết. Bao tim, bao cơ tim không tổn thương sung huyết, mặt sau tâm thất trái rải rác có các chấm xuất huyết, các vùng khác không tổn thương. Quá trình khám nghiệm thu giữ mẫu máu, phủ tạng, dịch âm đạo.

Bản kết luận giám định số: 5933/KI-KTHS ngày 16/8/2024 của V2 - Bộ C1, kết luận: Trong mẫu máu ghi thu của tử thi Nguyễn Thị Thùy D gửi giám định không tìm thấy ethanol (cồn); Trong mẫu máu, phủ tạng, chất chứa trong dạ dày gửi giám định đều tìm thấy Methamphetamine, MDMA, Ketamine và N4; Không tìm thấy chất an thần gây ngủ khác và các chất độc thường gặp.

Bản kết luận giám định số: 6028/KL-KTHS ngày 15/8/2024 của V2 - Bộ C1 đối với bát, đĩa và dung dịch trong chai nước (niêm phong ký hiệu A), kết luận:

- Điều tìm thấy ma túy Ketamine bám dính trên đĩa sứ màu trắng và bát sứ màu trắng gửi giám định, mẫu bám dính ít nên không xác định được khối lượng.

-Tìm thấy chất ma túy Ketamine trong mẫu dung dịch không màu gửi giám định; thể tích mẫu 32,0 ml; khối lượng Ketamine: 0,009gam.

Bản kết luận giám định tử thi số: 161/KLGĐTT-PC09 ngày 01/09/2024 của Phòng K3 - Công an tỉnh H, kết luận: Nguyễn Thị Thùy D chết là do: Suy hô hấp, suy tuần hoàn cấp do sốc ma túy.

Kiểm tra 02 file video trong niêm phong ký hiệu U, xác định: Nguyễn Thị Thùy D đến quán K2 vào hồi: 00:43:00 ngày 03/8/2024 và D được đưa đi cấp cứu hồi: 02:46:02 ngày 03/8/2024.

Nguyễn trọng Q khai: 01 gói ma túy (nước vui) do Q được một người bạn tên là Q1 ở Hải Dương (không rõ tuổi, địa chỉ cụ thể) cho; 01 gói ma túy loại Ketamine và 01 viên nén màu xám là ma túy loại kẹo Q nhặt được khi dọn phòng hát VIP 4 của quán K2. Do vậy, không có căn cứ xử lý.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Nhữ Cao T6, Nguyễn Trọng Q, Nguyễn Văn T1 và Ly Thị T2 thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình và đồng phạm. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra, xác định Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 12/8/2001, có con là cháu Nguyễn Thị Nhã P2, sinh ngày 10/12/2016. Dương sinh cháu P2 khi chưa đủ 16 tuổi. Cơ quan điều tra - Công an tỉnh H đã chuyển hồ sơ đến Cơ quan CSĐT - Công an huyện A, tỉnh Hưng Yên giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy của Lò Thị T4, ngày 23/10/2024 Công an huyện A đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Vật chứng của vụ án: 05 điện thoại di động các loại; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, BKS: 89C2-028.13; mẫu vật hoàn lại sau giám định được bảo quản tại Kho vật chứng Công an tỉnh H.

01 phong bì niêm phong ký hiệu “S” bên trong có 01 USB chứa 02 (hai) file video thu tại hiện trường được đưa vào hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số: 57/CT-VKS-P1 ngày 03/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Nhữ Cao T6 về tội “**Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy**” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nguyễn Trọng Q, Nguyễn Văn T1 và Ly Thị T2 về tội “**Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy**” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo nội dung bản Cáo trạng; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nhữ Cao T6, Nguyễn Trọng Q, Nguyễn Văn T1 và Ly Thị T2 phạm tội “**Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy**”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nhữ Cao T6.

Xử phạt bị cáo Nhữ Cao T6 từ 15 năm 03 tháng đến 15 năm 06 tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 03/8/2024.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Trọng Q, Nguyễn Văn T1 và Ly Thị T2.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng Q từ 07 năm 06 tháng đến 07 năm 09 tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 03/8/2024.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 03/8/2024.

Xử phạt bị cáo Ly Thị T2 từ 07 năm đến 07 năm 03 tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 03/8/2024.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 46; 47 và Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án 01 phong bì niêm phong ký hiệu “S” bên trong có 01 USB chứa 02 (hai) file video thu tại hiện trường được đưa vào hồ sơ vụ án.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 thùng cattong mẫu vật hoàn lại sau giám định theo Kết luận giám định số: 6028/Kl-KTHS ngày 15/8/2024 của V2 - Bộ C1

- Tịch thu, phát mại sung ngân sách Nhà nước của các bị cáo: Nhữ Cao T6: 01 điện thoại di động Iphone 12 màu trắng kèm sim liên lạc; Ly Thị T2: 01 điện thoại di động Iphone 6S màu hồng kèm sim liên lạc; Nguyễn Trọng Q: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng kèm sim liên lạc.

Trả lại: Nguyễn Thị Thùy D: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng (do ông Nguyễn Văn P là bố đẻ giao nộp) được niêm phong trong phong bì theo Kết luận giám định số 6494/Kl-KTHS ngày 24/9/2024 của V2 - Bộ C1; Nguyễn Văn T1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Pro max màu xanh kèm sim liên lạc; Nguyễn Trọng Q: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu xám, BKS: 89C2-028.13.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T6 trình bày bản bào chữa:

Nhất trí về tội danh và điều luật áp dụng cho bị cáo tại Bản cáo trạng, đề nghị hội đồng xét xử: Bị cáo đã thực sự thành khẩn khai báo và ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình. Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề xuất đối với bị cáo là quá nặng, khi chị D gọi điện cho bị cáo hỏi xin đến chơi thì bị cáo đồng ý nên bị cáo phải chịu trách nhiệm liên quan đến cái chết của D. D là người tự nguyện đề xuất đến chỗ T6 chơi và tại đây D tự nguyện sử dụng ma túy. Việc Dương sóc ma túy không phải do lỗi của bị cáo, tại phiên tòa gia đình ba bị cáo đã tự nguyện hỗ trợ số tiền 60.000.000 đồng để giảm bớt khó khăn cho gia đình chị D nhưng gia đình chị D tự nguyện không nhận.

Căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới khung hình phạt và ở khung hình phạt liền kề, xử phạt bị cáo mức hình phạt 10 năm tù để bị cáo cải tạo sớm trở về gia đình và hòa nhập cộng đồng.

Quan điểm đối đáp của đại diện Viện kiểm sát: Bị cáo T6 mặc dù không phải chịu tình tiết tăng nặng và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng bị cáo chỉ được hưởng duy nhất một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên không có căn cứ xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức

hình phạt dưới khung. Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đề xuất về mức hình phạt đối với bị cáo.

Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình, nhất trí, không tranh luận với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, bị cáo T6 nhất trí không bổ sung nội dung bào chữa của luật sư. Các bị cáo đề nghị hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo cải tạo sớm trở về gia đình và hòa nhập cộng đồng.

Tại phiên tòa đại diện gia đình của ba bị cáo T6, T1 và Q xác định không có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho gia đình chị D nhưng cả ba gia đình có quan điểm tự nguyện hỗ trợ cho gia đình chị D số tiền 60.000.000 đồng để giảm bớt khó khăn cho gia đình. Ông Nguyễn Văn P là bố đẻ chị D tại phiên tòa có quan điểm từ chối và tự nguyện không nhận số tiền mà gia đình ba bị cáo có quan điểm tự nguyện hỗ trợ cho gia đình tại phiên tòa. Đề nghị hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo nghiêm khắc theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Điều tra - Công an tỉnh H; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên; Điều tra viên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng từ giai đoạn điều tra cho đến phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp khách quan với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa như: Lời khai của người làm chứng; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Kết quả khám nghiệm tử thi đối với Nguyễn Thị Thùy D; Các Bản kết luận giám định số: 6028/KL-KTHS(MT) ngày 15/8/2024 và số: 5933/KL-KTHS ngày 16/8/2024 của V2 - Bộ C1; Bản kết luận giám định tử thi số: 161/KLG ĐTT-PC09 ngày 01/9/2024 của Phòng K3 - Công an tỉnh H cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 22 giờ ngày 02/8/2024, T1 mời bạn là Nguyễn Minh P1 và bạn gái của P1 là M uống bia và hát tại quán K2 tại thôn N, xã T (nay là xã Q) huyện A, tỉnh Hưng Yên do ba bị cáo chung vốn làm ăn. Tại quán Karaoke, T6 bảo Q lấy ma túy ra để sử dụng, Q điều khiển xe mô tô về nơi ở của Q lấy 01 gói ma

túy tổng hợp (*nước vui*). Khi quay lại quán, Q gặp T1 và đưa cho T1 gói ma túy còn Q xuống bếp của quán chuẩn bị 01 bát nước nóng, 01 chén thủy tinh đưa cho T1 mang vào phòng hát VIP 3. T1 đã pha ma túy vào bát nước nóng và nước ngọt S, sau đó tự mức 01 chén uống, T6 tự mức 01 chén ma túy uống. Khi Q vào phòng hát, T1 hỏi Q có ma túy loại Ketamine không cho T1 dùng. Q lấy dưới khe bàn phòng hát 01 gói ma túy, loại Ketamine do Q cất giấu từ trước đưa cho T1. T1 lấy 01 đĩa sứ tròn trên bàn, bật lửa, thẻ cứng có sẵn trong giỏ đựng đồ trên bàn rồi đổ một phần ma túy lên đĩa, đốt lửa dưới đĩa, dùng thẻ cứng đảo tan chất ma túy rồi chia ma túy thành những đường kẻ chỉ nhỏ, khi T1 xào ke thì Q bật đèn Flash điện thoại di động Iphone màu xanh của T1 soi cho T1. T1 lấy ống hút tự chế bằng tờ tiền Polyme mệnh giá 10.000đồng có sẵn tại giỏ đựng đồ trên bàn hít qua mũi 02 đường chỉ ke. Sau đó, Ly Thị T2 vào phòng hát, T6 mức 01 chén ma túy (*nước vui*) đưa cho T2, T2 uống hết 1/2 số nước trong chén, tiếp đó là Lò Thị T4 cùng Lê Thị T5 (*là nhân viên rót bia*) đến. Q mời Lò Thị T4 uống ma túy (*nước vui*) nhưng T4 không uống, Q đi ra khe bàn lấy 01 viên ma túy tổng hợp dạng kẹo đưa cho T2 bảo T2 đưa cho T4 sử dụng. T2 cầm viên ma túy tổng hợp đưa cho T4 uống, T4 uống 1/2 viên còn 1/2 viên còn lại trả T2, T2 vứt xuống nền phòng hát. Q tiếp tục đồ hết số ma túy (Ketamine) còn lại ra đĩa sứ và xào ke, T2 bật đèn Flash điện thoại Iphone 6 của T2 soi cho Q. Xào ke xong, Q tự lấy ống hút tự chế dùng trước đó hít ma túy (Ketamine) qua đường mũi. Khoảng 01 giờ ngày 03/8/2024, P1 và M đi về, lúc này Nguyễn Thị Thùy D gọi điện cho T6 hỏi xin đến chỗ T6 chơi, T6 sai nhân viên của quán đi đón D. Khi về đến quán, D vào phòng VIP 3 tự mức 02 chén ma túy (*nước vui*) uống. Khoảng 03 giờ ngày 03/8/2024, D bất tỉnh, T6 cùng T2 và V1 (*nhân viên tại quán không rõ lai lịch, địa chỉ*) thuê xe ô tô chở D đi cấp cứu tại bệnh viện đa khoa tỉnh H nhưng D đã tử vong.

Hành vi của T1, Q và T6 thống nhất sử dụng tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng hát của quán. Quá trình tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, khi Nguyễn Thị Thùy D điện thoại thì T6 đồng ý cho D đến quán và sai nhân viên của quán hát đi đón D. Khi D đến quán hát, bị cáo không ngăn cản và không có ý kiến khi D sử dụng ma túy do các bị cáo tổ chức dẫn đến D bị sốc ma túy tử vong. Việc T6 đồng ý cho D đến quán và D sử dụng ma túy, T6 không trao đổi hay thông báo gì cho Q và T1 nên hành vi của bị cáo T6 đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Q, T1 và T2 không biết và không được T6 thông báo cho biết việc T6 đồng ý và cho người đón D đến quán hát. Tại phòng hát, các bị cáo không biết, không chứng kiến việc D sử dụng trái phép chất ma túy dẫn đến tử vong nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2

Điều 255 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo về tội danh và điều luật là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm chế độ quản lý đặc biệt của Nhà nước đối với ma túy và các chất gây nghiện. Các bị cáo đều biết rõ tác hại của việc sử dụng trái phép chất ma túy cũng như hậu quả và hệ lụy do ma túy để lại đối với sức khỏe, kinh tế của bản thân, gia đình và xã hội. Mặt khác, từ việc mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy còn là nguyên nhân dẫn đến lây lan căn bệnh thế kỷ HIV - AIDS. Đối tượng là tầng lớp thanh, thiếu niên là nguồn lao động chính trong xã hội, gây băng hoại đạo đức xã hội, làm giảm sức lao động và là nguyên nhân nảy sinh các loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo:

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo được hưởng quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T2 là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn và thuộc diện hộ nghèo do địa phương quản lý. Bị cáo Q có bố đẻ được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang; bị cáo T6 có ông nội và ông ngoại được tặng thưởng nhiều Huân, huy chương và các danh hiệu cao quý của Nhà nước. Các bị cáo đều có đơn trình bày đặc điểm nhân thân, hoàn cảnh gia đình và xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo được hưởng thêm quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- *Về nhân thân:* Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[5]. Về hình phạt:

Trong vụ án có đồng phạm tham gia nên khi cân nhắc hình phạt đối với các bị cáo, hội đồng xét xử căn cứ vai trò, vị trí của các bị cáo trong đồng phạm; đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo để cân nhắc xử phạt các bị cáo mức hình phạt cụ thể tương ứng với vai trò, vị trí của từng bị cáo.

+ Bị cáo T6 thống nhất với các bị cáo T1 và Q việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng hát của Quán K2. Bị cáo là người khởi xướng bảo Q và gợi ý việc sử dụng ma túy; sử dụng địa điểm do mình quản lý để mọi người sử dụng trái phép chất ma túy. Khi các bị cáo đang tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy thì Nguyễn Thị Thùy D gọi điện cho bị cáo, bị cáo đồng ý và cho

người đi đón D đến quán hát. Tại quán hát, D là người ngồi cạnh bị cáo và sử dụng ma túy đã có sẵn tại bàn, bị cáo hoàn toàn biết D sử dụng ma túy và không ngăn cản (thể bị hiện bị cáo đồng tình với việc D sử dụng ma túy tại quán hát) dẫn đến D bị sốc ma túy dẫn đến tử vong. Do vậy, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, hội đồng xét xử nhận thấy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc và cao nhất.

+ Các bị cáo T1 và Q thống nhất việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng hát của Quán K2. Bị cáo Q thực hiện hành vi phạm tội đồng phạm với vai trò tích cực hơn, bị cáo là người trực tiếp cung cấp các loại ma túy cho cả nhóm sử dụng; chuẩn bị bát, chén, đun nước để T1 pha ma túy nước vui; soi đèn cho T1 xào ma túy Ketamine và là người trực tiếp xào Ketamine để Q, T2 sử dụng nên bị cáo giữ vai trò cao hơn bị cáo T1. Bị cáo T1 là người trực tiếp pha ma túy nước vui và xào Ketamine cho mọi người sử dụng. Khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, hội đồng xét xử nhận thấy cần xử phạt bị cáo Q mức hình phạt cao hơn bị cáo T1.

+ Bị cáo Ly Thị T2 thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức thứ yếu. Bị cáo nhận viên ma túy K do Q đưa để đưa cho Lò Thị T4 sử dụng và khi Q xào K1 thì bị cáo dùng điện thoại soi hỗ trợ cho Q để Q sử dụng, ngoài ra bị cáo không còn thực hiện hành vi giúp sức nào khác. Do vậy, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo cần xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp hơn các bị cáo T1 và Q.

Mặc dù các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự qui định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự nhưng được hưởng ít tình tiết giảm nhẹ qui định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng nên khi cân nhắc hình phạt đối với các bị cáo, hội đồng xét xử xem xét cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian như nội dung đề xuất của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa mới đủ răn đe, giáo dục đối với các bị cáo.

**Về hình phạt bổ sung:*

Các bị cáo đều không có công việc và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng. Xét thấy, miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình thức phạt tiền đối với các bị cáo.

[6]. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Đối với: 01 phong bì niêm phong ký hiệu “S” bên trong có 01 USB chứa 02 (hai) file video thu tại hiện trường là các tài liệu chứng minh hành vi phạm tội. Cần được tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

- Đối với: 01 thùng cattong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định theo Kết luận giám định số 6028/KL-KTHS ngày 15/8/2024 của V2 - Bộ C1 là các công

cụ, phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội, không có giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với: 01 điện thoại di động Iphone 12 màu trắng kèm sim liên lạc thu của Nhữ Cao T6; 01 điện thoại di động Iphone 6S màu hồng kèm sim liên lạc thu của Ly Thị T2 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng kèm sim liên lạc thu của Nguyễn Trọng Q. Đây là các công cụ các bị cáo sử dụng liên quan đến hành vi phạm tội cần tịch thu, phát mại sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với: 01 điện thoại di động Iphone màu vàng của Nguyễn Thị Thùy D (do ông Nguyễn Văn P là bố đẻ giao nộp) được niêm phong trong phong bì theo Kết luận giám định số 6494/KL-KTHS ngày 24/9/2024 của V2 - Bộ C1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Pro max màu xanh kèm sim liên lạc thu của Nguyễn Văn T1 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu xám, BKS: 89C2-028.13 thu của Nguyễn Trọng Q không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo cần trả lại cho các bị cáo Q, T1 và người liên quan D (điện thoại di động của D giao cho bố đẻ là ông Nguyễn Văn P nhận lại)

[7]. Về án phí: Căn cứ điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định. Bị cáo T2 là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, thuộc hộ nghèo do địa phương quản lý, bị cáo có đơn xin miễn án phí nên xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố: Các bị cáo Nhữ Cao T6, Nguyễn Trọng Q, Nguyễn Văn T1 và Ly Thị T2 phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nhữ Cao T6.

Xử phạt bị cáo Nhữ Cao T6 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 03/8/2024.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo: Nguyễn Trọng Q, Nguyễn Văn T1 và Ly Thị T2.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng Q 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 03/8/2024.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 03/8/2024.

Xử phạt bị cáo Ly Thị T2 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 03/8/2024.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[2]. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 và Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tiếp tục lưu trữ 01 phong bì niêm phong ký hiệu “S” bên trong có 01 USB chứa 02 (hai) file video thu tại hiện trường được đưa vào hồ sơ vụ án.

- Tịch thu, phát mại sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone 12 màu trắng kèm sim liên lạc thu của Nhữ Cao T6; 01 điện thoại di động Iphone 6S màu hồng kèm sim liên lạc thu của Ly Thị T2 và : 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng kèm sim liên lạc thu của Nguyễn Trọng Q.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 thùng cattong mẫu vật hoàn lại sau giám định theo Kết luận giám định số: 6028/KL-KTHS ngày 15/8/2024 của V2 - Bộ C1.

- Trả lại: 01 phong bì niêm phong bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE kèm sim liên lạc được niêm phong trong phong bì theo kết luận giám định số 6494/KL-KTHS ngày 24/9/2024 của V2 - Bộ C1 của chị Nguyễn Thị Thùy D (do ông Nguyễn Văn P là bố đẻ nhận lại); Nguyễn Văn T1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Pro max màu xanh kèm sim liên lạc; Nguyễn Trọng Q: 01 xe mô tô nhãn hiệu Vision màu xám, BKS: 89C2-028.13.

(Số lượng, chủng loại, đặc điểm, tình trạng vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16/4/2025 giữa Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên và Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh H).

[3]. Về án phí: Các bị cáo T1, Q và T6 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hình sự. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo T2.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Hưng Yên;
- Phòng HSNV - CA tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Trại tạm giam - CA tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo; người có QL&NV liên quan;
- Lưu HSVA, VP, THAHS.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Lâm

